

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2025/DS-ST

Ngày: 20 - 6 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ: Số A, đường N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1989 – Chức vụ: Nhân viên; Địa chỉ: Số F, đường H, Khóm G, Phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Phong N, sinh năm 1997; Cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2025, bản tự khai ngày 19/6/2025, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 15/11/2023, ông Nguyễn Phong N ký với Công ty cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Công ty) hợp đồng cầm cố tài sản số CNM231101012NA20X, theo đó, ông N cầm cố tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 69N1-690.55, nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu xanh đen, với số tiền 10.300.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, kể từ ngày 15/11/2023 đến 15/11/2024, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền,

lãi quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Công ty đã giải ngân cho ông N số tiền trên.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc ngày 15/11/2023 ông N đã ký thoả thuận với Công ty M (Thuê) lại xe từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/12/2023, với phí mượn 618.000 đồng/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã thanh toán đến 20/6/2025 cho Công ty số tiền 2.498.000 đồng.

Từ ngày 15/01/2024 ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản mặc dù Công ty đã nhắc nhở nhiều lần.

Nay Công ty yêu cầu ông N thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 20/6/2025 là 11.764.807 đồng (Trong đó, nợ gốc 9.514.604 đồng, lãi trong hạn 1.151.267 đồng, lãi quá hạn 1.098.936 đồng).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Phong N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông N không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Phong N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, ông N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay về việc đòi bị đơn ông Nguyễn Phong N thanh toán số tiền 11.764.807 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 15/11/2023, ông Nguyễn Phong N ký với Công ty cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Công ty) hợp đồng cầm cố tài sản số CNM231101012NA20X, theo đó, ông N cầm cố tài sản là 01 xe mô tô biển kiểm soát 69N1-690.55, nhãn hiệu Honda, loại Vario, màu xanh đen, với số tiền 10.300.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, kể từ ngày 15/11/2023 đến 15/11/2024, lãi suất cầm cố 1,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, lãi quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, Công ty đã giải ngân cho ông N số tiền trên và ông N đã giao cho Công ty B giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô.

Công ty cho ông N thuê (Mượn) lại xe để sử dụng trong thời hạn 01 tháng từ ngày 15/11/2023 đến ngày 15/12/2023, với phí mượn 618.000 đồng/tháng.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng cầm cố tài sản giữa đôi bên là thực tế có xảy ra. Các bên đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện khi giao kết hợp đồng. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N đã thanh toán cho Công ty số tiền 2.498.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 9.514.604 đồng. Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi nên khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 15/01/2024.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông N không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của Công ty nên việc Công ty yêu cầu ông N thanh toán nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tổng số tiền 11.764.807 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 588.000 đồng (Làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 309, 310, 315 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Nguyễn Phong N thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 11.764.807 đồng (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm lẻ bảy đồng).

Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000317 ngày 01/02/2023 cho ông Nguyễn Phong N.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Phong N phải chịu án phí số tiền 588.000 đồng (Năm trăm tám mươi tám nghìn đồng), chưa nộp.

- Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí. Ngày 21/3/2025 Công ty đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 514.000 đồng (Năm trăm mười bốn nghìn

đồng) theo biên lai thu số 0005377 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay và bị đơn ông Nguyễn Phong N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà